

Bản án số 152/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 9 - 2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Hồng M, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: ấp TT A, xã TAK, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh L, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: ấp NC, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hồ Hồng M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh L chung sống năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L thường xuyên uống rượu, anh L không chung thủy, không quan tâm, lo lắng gia đình. Gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn, nhưng anh L không khắc phục. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 03 tháng. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Lê Minh L1, sinh ngày 20/5/2023 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại bản trình bày ý kiến của anh Lê Minh L có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Nay anh đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Lê Minh L1, sinh ngày 20/5/2023 hiện đang sống cùng chị M là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ chị M cho 20 chỉ vàng 24k; cha mẹ anh L cho 20 chỉ vàng 24k và 19,7 chỉ vàng 18k; anh L có mua thêm 01 chiếc lắc tay 03 chỉ vàng 18k và cặp nhẫn cưới 06 phân vàng 18k. Số tài sản này chị M đang quản lý. Anh đồng ý giao cho chị M tiếp tục quản lý, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Hồ Hồng M khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Lê Minh L là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị M, anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh L.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2022, chị M với anh L chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh L được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý. Xét thấy: Sự thuận tình ly hôn giữa chị M với anh L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu L1 chưa được 36 tháng tuổi đang sống cùng chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, anh L đồng ý. Xét thấy: Cháu L1 hiện chưa tròn 36 tháng tuổi, đang sống ổn định với chị M, có điều

kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Đồng thời, chị M có công việc tạo nguồn thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu L1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị M, anh L xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị M đồng ý chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Hồng M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Hồng M với anh Lê Minh L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh L1, sinh ngày 20/5/2023 cho chị Hồ Hồng M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Minh L không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Hồ Hồng M đồng ý chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (chị M tự nguyện chịu thay án phí cho anh L), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012054 ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị Hồ Hồng M được nhận lại khoản tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chênh lệch là 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

